

Số: 3/68 /TĐC - HCHQ

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2023

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15/2/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Viện Khoa học sự sống

Địa chỉ: Tổ 10, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 02083841389; DD: 0982892699

E-mail: ppthh2012@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Hóa học, sinh học** (đối với các sản phẩm, hàng hóa trong Phụ lục Danh mục kèm theo).

2. Số đăng ký: 218/TN-TĐC

3. Giấy chứng nhận có hiệu lực 5 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Viện Khoa học sự sống;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu VT, HCHQ.

Q. TỔNG CỤC TRƯỞNG



Hà Minh Hiệp



Phụ lục

**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 3168/TĐC - HCHQ ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Tổng cục Trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
I. Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học			
1	Nước mặt, nước dưới đất nước sạch, Nước thải	Xác định pH	TCVN 6492:2011
2		Xác định hàm lượng Sắt tổng số. Phương pháp trắc phổ dùng thuốc thử 1.10-Phenantrolin	TCVN 6177:1996
3		Xác định hàm lượng Nitơ tổng số Phương pháp Kjeldahl	TCVN 5987:1995
4		Xác định hàm lượng Photpho tổng số. Phương pháp quang phổ	TCVN 6202:2008
5		Xác định hàm lượng cặn lơ lửng. Phương pháp lọc qua cái lọc sợi thủy tinh	TCVN 6625:2000
6		Xác định tổng số Canxi và Magie. Phương pháp chuẩn độ EDTA	TCVN 6224:1996
7		Xác định hàm lượng Amoni Phương pháp trắc phổ	TCVN 6179:1996
8	Nước mặt, nước dưới đất nước sạch	Xác định hàm lượng Asen (As) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử - Kỹ thuật hydrua	TCVN 6626 : 2000
9		Xác định hàm lượng Thủy ngân (Hg) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử - Kỹ thuật hydrua	TCVN 7877:2008

kg

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
10	Nước mặt, nước dưới đất nước sạch	Xác định hàm lượng Chì (Pb) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử - Kỹ thuật lò graphite	HD/QT-N.17 (Tham khảo 6193:1996)
11		Xác định hàm lượng Cadimi (Cd). Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử - Kỹ thuật lò graphite	TCVN 6197:2008
12	Nước thải	Xác định hàm lượng Cu, Zn, Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử nguyên tử ngọn lửa	TCVN 6193:1996
13	Đất	Xác định hàm lượng độ ẩm	TCVN 4048:2011
14		Xác định pH	TCVN 5979:2007
15		Xác định hàm lượng Nitơ tổng số Phương pháp Kjeldahl	TCVN 6498:1999
16		Xác định hàm lượng Nitơ dễ tiêu	TCVN 5255:2009
17		Xác định hàm lượng Cacbon tổng số Phương pháp Walkley Black	TCVN 8941:2011
18		Xác định hàm lượng Photpho tổng số Phương pháp so màu	TCVN 8940:2011
19		Xác định hàm lượng Photpho. Phương pháp Olsen	TCVN 8661:2011
20		Xác định hàm lượng Kali tổng số. Phương pháp quang phổ phát xạ	TCVN 8660:2011
21		Xác định hàm lượng Kali dễ tiêu Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử hệ phát xạ.	TCVN 8662:2011
22		Xác định hàm lượng Cd, Pb, Cu, Mn, Zn.	TCVN 6649:2000 (chiết) TCVN 6496:2009

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
		Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	(phân tích)
23	Đất	Xác định hàm lượng Asen (As) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử - Kỹ thuật hydrua	TCVN 6649:2000 (chiết/extract) TCVN 8467:2010 (phân tích/analyse)
24		Xác định hàm lượng Thủy ngân (Hg) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử - Kỹ thuật hydrua	TCVN 6649:2000 (chiết/extract) TCVN 8882:2011 (phân tích/analyse)
25	Phân bón	Xác định hàm lượng Nitơ tổng số Phương pháp Kjeldahl	TCVN 8557:2010
26		Xác định hàm lượng Photpho tổng số Phương pháp so màu.	TCVN 8563:2010
27		Xác định pH	TCVN 13263-9:2020
28	Rượu chưng cất	Xác định độ cồn dùng rượu kế	TCVN 8008:2009
29	Mật ong	Xác định hàm lượng nước	TCVN 5263:1990
30		Phương pháp xác định hàm lượng chất rắn không tan trong nước	TCVN 5264:1990
31		Xác định đường khử tự do	TCVN 5266:1990
32		Xác định hàm lượng đường Saccarosa	TCVN 5269:1990
33	Thức ăn chăn nuôi	Xác định độ ẩm và chất bay hơi khác	TCVN 4326:2001
34		Xác định hàm lượng nitơ tổng số bằng cách đốt cháy theo nguyên tắc DUMAS	TCVN 8133-1:2009
35		Xác định hàm lượng xơ thô Phương pháp có lọc trung gian	TCVN 4329:2007



STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
36	Thức ăn chăn nuôi	Xác định hàm lượng Canxi Phương pháp chuẩn độ	TCVN 1526-1:2007
37		Xác định hàm lượng photpho tổng số Phương pháp quang phổ	TCVN 1525:2001
38		Xác định hàm lượng chất béo	TCVN 4331:2001
39	Trà	Xác định hao hụt khối lượng ở 103°C	TCVN 5613:2007
40		Xác định hàm lượng chất chiết trong nước	TCVN 5610:2007
41		Xác định hàm lượng tro tổng số	TCVN 5611:2007
42		Xác định hàm lượng Tanin Phương pháp chuẩn độ	TCCS 14:2014
43	Thịt và sản phẩm thịt	Xác định độ ẩm và tính vật chất khô	TCVN 8135:2009
44	Rau quả		TCCS 06:2020
45	Ngũ cốc		TCVN 9706:2013
46	Thực phẩm	Xác định hàm lượng Nitơ	TCVN 8134:2009
47		Xác định hàm lượng chất béo tổng số	TCVN 8136:2009
48		Xác định hàm lượng khoáng tổng số	TCVN 7142:2002
49		Xác định hàm lượng các kim loại Natri (Na), Kali (K), Canxi (Ca), Magie (Mg) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử - Kỹ thuật ngọn lửa	TCVN 10916:2015
50		Xác định hàm lượng Chì (Pb), Cadimi (Cd) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử - Kỹ thuật lò graphit sau khi tro hóa khô	TCVN 10643:2014

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
51	Thực phẩm	Xác định hàm lượng Asen (As) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử - Kỹ thuật hydrua	TCVN 8427:2010
52		Xác định hàm lượng Thủy ngân (Hg) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử - Kỹ thuật hydrua	TCVN 7604:2007
53	Rau, củ quả, chè	Xác định dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật: - Nhóm Carbamate (Fenobucarb); - Nhóm Lân hữu cơ (Sulfotep, Chlorpyrifos); - Nhóm Clor hữu cơ (Endosulfan, Aldrin, Dieldrin); - Nhóm Cúc tổng hợp (Permethrin (Cis_Permethrin; Trans_Permethrin), Bifenthrin)	HD/GCMS-TP01:2021 (AOAC 2007)

II. Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh học

1.	Nước mặt, nước dưới đất, nước thải	Phát hiện và đếm vi khuẩn <i>Coliform</i> Phương pháp nhiều ống (số có xác suất cao nhất)	SWEWW 9221:2017
2.		Phát hiện và đếm <i>Escherichia coli</i> Phương pháp nhiều ống (số có xác suất cao nhất)	SWEWW 9221:2017
3.		Xác định tổng số vi khuẩn hiếu khí	ISO 6222:1999
4.	Nước sạch, nước uống đóng chai	Phát hiện và đếm <i>Escherichia coli</i> và vi khuẩn <i>Coliform</i> Phương pháp lọc màng	TCVN 6187-1:2019
5.	Thực phẩm, thức ăn chăn nuôi	Phát hiện và định lượng <i>Escherichia coli</i> giả định Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất	TCVN 6846:2007

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
6.	Thực phẩm, thức ăn chăn nuôi	Phát hiện và định lượng <i>Coliform</i> Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất	TCVN 4882:2007
7.		Phương pháp định lượng nấm men nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong sản phẩm có hoạt độ nước nhỏ hơn hoặc bằng 0,95	TCVN 8275-2:2010
8.		Định lượng vi sinh vật Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C	TCVN 4884-1:2015

Ghi chú:

- HD.: Phương pháp thử nội bộ;
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam;
- TCCS: Tiêu chuẩn cơ sở;
- AOAC: Association of Official Analytical Chemists;
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- Đối với các sản phẩm hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và Văn bản QPPL có liên quan để quản lý, Viện phải thực hiện theo các quy định này trước khi thực hiện thử nghiệm.

Rg